

Số: 22/BC-ATTP

Tân Châu, ngày 30 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO
CÔNG TÁC VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM QUÝ III
(Dùng cho Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)

I. Thông tin chung:

- | | | | |
|-------------------|-------------------------|--------------------------|-------------|
| 1. Dân số: | 134700 | 5. Số cơ sở SXCBTP: | 113 |
| 2. Diện tích : | 1113,20 Km ² | 6. Số cơ sở KDTP: | 333 |
| 3. Số xã/ phường: | 12 | 7. Số cơ sở DVẤU : | 74 |
| 4. Số thôn/ bản : | 76 | 8. Bếp ăn tập thể : | 37 |
| | | 9. T.ĐP: | 493 |
| | | Cộng (5+6+7+8+9): | 1050 |

II. Công tác chỉ đạo:

TT	Hoạt động	Tuyến xã		Tuyến huyện	
		Số xã có	Tổng số xã	Số huyện có	Tổng số huyện
01	Có BCĐ LN VSATTP do Lãnh đạo UBND làm Trưởng ban	12	12	01	01
02	Có hội nghị, họp BCĐLN	00	12	00	01
03	Có Quyết định, Chỉ thị về VSATTP	00	12	00	01
04	Có công văn về VSATTP	00	12	00	01
05	Có Kế hoạch bảo đảm VSATTP	12	12	01	01
06	Có hội nghị triển khai	00	12	00	01

III. Các hoạt động:

1. Tuyên truyền giáo dục:

TT	Hoạt động	Tuyến xã		Tuyến huyện	
		Số lượng/buổi	* TS người tham dự * Phạm vi bao phủ	Số lượng/buổi	* TS người tham dự * Phạm vi bao phủ
01	Tổ chức Lễ phát động	0		0	
02	Nói chuyện	0		0	
03	Hội thảo	0		0	
04	Phát thanh	12/24		1/2	
05	Truyền hình	0		0	

06	Báo viết		0		0	
07	SP t r u y ề n t h ô n g	Băng rol, khâu hiệu	12		1	
		Áp phích	00		00	
		Tờ gấp	00		00	
		Pano	00		00	
		Băng đĩa hình	00		00	
		Băng đĩa âm	00		00	
		Khác: + Thông điệp tháng hành động + Bản tin + Viết bài + Tạp chí	00		00	
08	Hoạt động khác: +Tuyên truyền cơ động +Xe loa tuyên truyền +Tuyên truyền Luật an toàn thực phẩm		00		00	

2. Công tác kiểm tra:

2.1. Tổng số đoàn kiểm tra:

TT	Tuyến	Tổng số đoàn	Đoàn liên ngành
1	Huyện	00	00
2	Xã	00	00
Cộng		00	00

2.2. Kết quả kiểm tra:

TT	Cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở hiện có	Số cơ sở được kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ đạt (%)
1	CS SXTP	113	00	-	-
2	CS KDTP	333	00	-	-
3	CS DVẤU	74	00	-	-
4	Bếp ăn tập thể	37	00	-	-
5	TA ĐP	493	00	-	-
Cộng (1+2+3+4+5)		1050	00	-	-
6	Số cơ sở vi phạm				
Xứ l ý	Số cơ sở bị cảnh cáo				
	Số cơ sở bị phạt tiền				
	Số tiền				
	Số cơ sở bị hủy SP Loại SP/SL				

	Số cơ sở bị đóng cửa	-
	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm	-
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành	-
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy	-
	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn	-
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục	-
	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo	-
	Số tài liệu quảng cáo bị đình chỉ lưu hành	-
	Các xử lý khác	-
	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	-
	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)	-

2.3. Bảng tổng hợp các nội dung vi phạm:

TT	Nội dung vi phạm	Số cơ sở được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ % vi phạm
1	Vi phạm quy định về tiêu chuẩn sức khỏe			
2	Vi phạm quy định về xác nhận kiến thức ATTP			
3	Vi phạm quy định về thực hành an toàn thực phẩm			
4	Vi phạm quy định về điều kiện cơ sở			
5	Vi phạm quy định về điều kiện trang thiết bị, dụng cụ			
6	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm			
7	Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm ATTP trong quá trình bảo quản thực phẩm			
8	Vi phạm quy định về công bố sản phẩm			
9	Vi phạm quy định về ghi nhãn thực phẩm			
10	Vi phạm quy định về quảng cáo thực phẩm			
11	Vi phạm quy định về sử dụng nguyên liệu thực phẩm			
12	Vi phạm quy định về sử dụng phụ gia thực phẩm			
13	Vi phạm quy định về lưu mẫu			
14	Các vi phạm khác (ghi rõ): + Không có giấy CN ĐDK ATTP + Không xét nghiệm nguồn nước định kỳ + Không xét nghiệm sản phẩm định kỳ			

2.4. Bảng đề nghị xử lý cơ sở:

TT	Tên cơ sở	Nội dung vi phạm	Số tiền
1			
2			
3			
4			
5			
Tổng cộng			

2.5. Các nhóm đối tượng được thanh, kiểm tra:

3. Kết quả giám sát:

TT	Đơn vị được MTTQ và tổ chức thành viên giám sát	Số lần/năm	Ghi chú
1	Phòng Y tế quận/huyện		
2	Trạm y tế xã/phường		

4. Tiếp nhận và xử lý thông tin:

TT	Tuyến	Có địa chỉ tiếp nhận ý kiến về ATTP (Số lượng/tổng)	Số vụ tiếp nhận	Số vụ xử lý	Ghi chú
1	Huyện	Phòng Y tế, Khoa ATTP-DD, TTYT	00	00	
2	Xã	Trạm Y tế xã, UBND xã	00	00	

5. Công tác xét nghiệm

TT	Chi tiêu XN	Kết quả	B.nhân NDTP	Người SXCB	Bàn tay	Thực phẩm	Nước	Dụng cụ bao gói
1	Vi sinh vật	TS mẫu				00		
		Số đạt				-		
2	Hóa lý	TS mẫu				00		
		Số đạt				-		
3	Test nhanh	TS mẫu				00		
		Số đạt				-		
Cộng		TS mẫu				00		
		Số đạt				-		

6. Hoạt động cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP:

Đối tượng	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tổng cộng
	Cấp mới	Cộng dồn	Cấp mới	Cộng dồn	
01 Sản xuất thực phẩm			00		
02 Kinh doanh thực phẩm			00		
03 Dịch vụ ăn uống			00	61	61
04 Bếp ăn tập thể			00	06	06
05 Ký cam kết			00	14	14

	Tổng cộng:		00	81	81
--	-------------------	--	----	----	----

7. Xây dựng mô hình điểm:

TT	Loại mô hình	Tuyến xã		Tuyến huyện	
		Số lượng	Kết quả	Số lượng	Kết quả
01	Thức ăn đường phố				
02	Truyền thông cộng đồng thay đổi tập quán lạc hậu, phòng ngừa NĐTP				
03	Làng văn hóa SK phòng ngừa NĐTP và FBDS				
04	HACCP				
05	Khác: <ul style="list-style-type: none"> - Chợ điểm. - Bếp ăn tập thể. - Trường học. - Khu du lịch. - Rau sạch. - Chăn nuôi sạch. - Khác 				
Cộng					

8. Ngộ độc thực phẩm:

TT	Loại NĐTP	Số vụ	Số mắc	Số chết
1	NĐTP do vi sinh vật	0		
2	NĐTP do hóa chất	0		
3	NĐTP do TP biến chất	0		
4	NĐTP do độc tố tự nhiên	0		
5	Khác	0		
Cộng		0		

9. Kinh phí:

TT	Nội dung chi	Trên cấp và địa phương hỗ trợ	Hỗ trợ của UBND xã	Hỗ trợ của ND	Cộng
01	Tuyên truyền giáo dục Tuyên truyền mô hình điểm				
02	Kiểm tra				
03	Mua trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất				
04	Mô hình điểm				
05	Điều tra NĐTP, giám sát				
06	Xét nghiệm				

07	Tổ chức Lễ phát động THĐ VSATTP				
08	Cộng tác viên				
	Cộng				

10. Mục tiêu Chương trình:

- 80% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; người tiêu dùng; người quản lý được cập nhật kiến thức về ATTP.

- 100% cán bộ quản lý về ATTP tuyến huyện được cập nhật văn bản và kiến thức về ATTP thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tập huấn, các buổi sinh hoạt,...

- 100% số xã, thị trấn tổ chức hoạt động tuyên truyền ATTP.

- 75% cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố được kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất.

- Từ 70% trở lên cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP được cấp mới hoặc cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định.

- Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính trong vụ ngộ độc được ghi nhận dưới 7/100.000 dân..

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG :

1. Ưu điểm : Được sự quan tâm chỉ đạo của Ban giám đốc Trung tâm Y tế Tân Châu; Chỉ đạo phối hợp kiểm tra của UBND huyện và sự phối hợp của các đơn vị thành viên Đoàn kiểm tra liên ngành.

2. Khó khăn tồn tại: Không

3. Kiến nghị: Không

Nơi nhận:

- BGD (b/c);
- Chi cục ATVSTP Tây Ninh;
- Phòng Y tế huyện;
- Lưu Khoa ATTP-DD.

Vũ THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Việt Hùng